

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KÔNG CHRO
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 03/2017/ HNGĐ-ST

Ngày: 01/9/2017

V/v: *Xin ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KÔNG CHRO - TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Ông Phan Huy Viễn.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Ngọc Khánh.

2. Ông Trần Ngọc Thái.

- *Thư ký Toà án:* Ông Phạm Quang Hà – Cán bộ Toà án nhân dân huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 01/9/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2017/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 5 năm 2017, về việc: “*Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 28 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị N, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn , xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai - có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Bùi Văn C, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn , xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai – vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NHẬN THẤY:

Theo Đơn khởi kiện ngày 17/5/2017, bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn là bà Vũ Thị N trình bày: Tôi và ông Bùi Văn C kết hôn với nhau năm 1989, có tổ chức đám cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vạn P, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 09/11/1989. Trước khi đi đến kết hôn hai bên có sự tự do tìm hiểu, tự nguyện. Tuy nhiên, vợ chồng chỉ sống với nhau hạnh phúc được năm đầu, đến khi tôi sinh con gái đầu lòng thì chồng tôi thường xuyên đánh đập tôi và cả con. Sự việc diễn ra cả đối với các cháu sinh sau này. Bản thân ông C không lo làm ăn, không quan tâm gì đến gia đình, vợ con vì gần như ngày nào cũng say xỉn về kiếm cớ chửi bới và đánh đập tôi. Tôi đã chịu đựng bao nhiêu năm nay vì nghĩ để cho các con có cha, có mẹ và mong ông C thay đổi. Thế nhưng ông C đối xử với tôi ngày càng tệ hơn. Tôi cũng đã nhờ gia đình hai bên và chính quyền địa phương khuyên nhủ, hòa giải nhưng ông C chỉ hứa hẹn chứ không thay đổi gì. Khoảng 01 năm nay do không chịu đựng nổi nên tôi đã phải bỏ nhà ra ở riêng và từ đó vợ chồng cũng không còn qua lại hay quan tâm gì

đến nhau nữa. Đến nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Bùi Văn C.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng tôi có 03 con chung là cháu Bùi Thị T sinh ngày 01/9/1990, cháu Bùi Văn V sinh ngày 08/6/1992 và cháu Bùi Văn Đ sinh ngày 25/7/1999. Hiện cháu T và cháu V đã trưởng thành và tự lập được, còn cháu Đ tuy đã thành niên nhưng cháu bị bệnh trầm cảm, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình nên cần người chăm sóc do đó khi ly hôn tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được nuôi dưỡng cháu Đ. Tôi không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con vì thực sự ông không có khả năng cấp dưỡng.

Về tài sản và nghĩa vụ chung: Vợ chồng tôi đã tự thỏa thuận với nhau nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn trong vụ án là ông Bùi Văn C trình bày: Tôi và bà Vũ Thị N là vợ chồng, sau quá trình tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau có tổ chức đám cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 09/11/1989 như lời trình bày của bà N là đúng. Trong cuộc sống vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn nhưng theo tôi đó là những mâu thuẫn bình thường của vợ chồng. Bản thân tôi có vài lần uống rượu say, không kiềm chế được nên có đánh bà N. Khoảng 01 năm nay bà N tự ý đi khỏi nhà và ở riêng chứ tôi không đuổi bà. Theo tôi nghĩ thì trong cuộc sống ai cũng có cái sai, tôi nhận thấy mình cũng sai nhiều nhưng tôi hứa là sẽ cố gắng sửa chữa để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì tương lai của con cái tôi mong bà N bỏ qua những mâu thuẫn trước đây để vợ chồng đoàn tụ cùng lo cho con cái.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng tôi có 03 con chung là cháu Bùi Thị T sinh ngày 01/9/1990, cháu Bùi Văn V sinh ngày 08/6/1992 và cháu Bùi Văn Đ sinh ngày 25/7/1999. Hiện cháu T và cháu V đã trưởng thành tự lập được, còn cháu Đ tuy đã thành niên nhưng cháu bị bệnh trầm cảm cần người chăm sóc. Do tôi không đồng ý ly hôn nên tôi cũng không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng cháu Đ.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Do tôi không đồng ý ly hôn nên tôi nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Văn C và bà Vũ Thị N kết hôn với nhau năm 1989, có đăng ký kết hôn ngày 09/11/1989 tại UBND xã V, huyện N G, tỉnh Hải Dương. Việc kết hôn của ông bà là tự nguyện, trước khi kết hôn ông bà có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau, được hai bên gia đình đồng ý và có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Vì vậy, hôn nhân của ông C và bà N là hôn nhân hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân giữa ông Bùi Văn C và bà Vũ Thị N thấy rằng thời gian đầu vợ chồng ông bà chung sống cũng hạnh phúc nhưng từ khi bà N sinh con

đầu lòng thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, từ đó đến nay giữa ông bà thường xuyên xảy ra cãi vã mà nguyên nhân chính là ông C không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình, vợ con; bản thân ông C thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn về kiểm soát chửi bới và gây sự đánh đập vợ; hiện tại ông bà cũng đã sống ly thân hơn một năm nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên bà N đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

Trong quá trình tham gia tố tụng, ông C cho rằng trong cuộc sống vợ chồng ông bà cũng có xảy ra mâu thuẫn nhưng đó là những mâu thuẫn bình thường của vợ chồng. Bản thân ông có vài lần uống rượu say, không kiềm chế được nên có đánh bà N. Khoảng 01 năm nay bà N tự ý đi khỏi nhà và ở riêng chứ ông C không đuổi bà đi. Theo ông nghĩ thì trong cuộc sống ai cũng có cái sai, ông nhận thấy mình cũng sai nhiều nên ông hứa là sẽ cố gắng sửa chữa để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì tương lai của gia đình, con cái nên ông mong bà N bỏ qua những mâu thuẫn trước đây để vợ chồng đoàn tụ cùng lo cho gia đình, con cái. Tuy nhiên, ông C không đưa ra được biện pháp cụ thể nào để khắc phục tình trạng hôn nhân của vợ chồng.

Tại phiên tòa hôm nay mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng ông C vắng mặt không có lý do. Việc không chấp hành yêu cầu triệu tập của Tòa án chứng tỏ ông C có thái độ không tôn trọng pháp luật, không những từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình mà còn gây cản trở cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với ông C theo quy định tại các Điều 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự đồng thời căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa cũng như xem xét ý kiến của nguyên đơn để quyết định về vụ án là hợp lý, ông C phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Qua xác minh quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà N thể hiện: Vợ chồng ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, ông C say xỉn là đánh bà N và không chịu khó làm ăn, bà N có thời gian bỏ nhà đi vì không chịu nổi. Chính quyền địa phương cũng tổ chức hòa giải nhưng không đạt kết quả.

Xét tình trạng hôn nhân giữa bà ông Bùi Văn C và Vũ Thị N đã đến mức trầm trọng, mâu thuẫn giữa ông bà xảy ra đã lâu và không thể hòa giải nổi. Như vậy, mục đích của hôn nhân của ông bà không đạt được nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, xử cho bà được ly hôn với ông C là có căn cứ.

Xét về con chung: Ông C và bà N có 03 con chung là cháu Bùi Thị T sinh ngày 01/9/1990, cháu Bùi Văn V sinh ngày 08/6/1992 và cháu Bùi Văn Đ sinh ngày 25/7/1999. Hiện cháu T và cháu V đã trưởng thành và tự lập được, riêng cháu Đ tuy đã thành niên nhưng cháu bị bệnh trầm cảm, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình nên cần người chăm sóc. Do đó, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được nuôi cháu Đ và bà không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông C ý kiến là không muốn ly hôn nên không có ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung.

Xét nguyện vọng xin được nuôi con của bà N thấy rằng: Hiện nay cháu Đ tuy đã thành niên nhưng cháu bị bệnh trầm cảm, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình nên cần người chăm sóc. Do đó, khi xử cho ông C và bà N ly hôn cần giao cháu cho bà N nuôi dưỡng là hợp lý bởi vì bà là người chăm lo cho cháu nhiều hơn trong cuộc sống còn ông C ngoài việc thiếu trách nhiệm với vợ con còn thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn nên không thể chăm lo cho cháu được. Mặt khác, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì cháu Đ cũng có nguyện vọng được sống với mẹ nên cũng cần chấp nhận nguyện vọng đó của cháu.

Do bà N không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 228, 235, 238 và 264 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị N và cho bà N được ly hôn với ông Bùi Văn C đồng thời giao cho bà N được tiếp tục nuôi cháu Bùi Văn Đ và buộc bà N phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Xét về tài sản và nghĩa vụ chung: Ông Bùi Văn C và bà Vũ Thị N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét về án phí: Bà Vũ Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 228, 235, 238 và 264 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Vũ Thị N và cho bà Ngót được ly hôn với ông Bùi Văn C.

2. Về con chung: Giao cho bà Vũ Thị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Văn Đ sinh ngày 25/7/1999 hiện đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Ông Bùi Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con cho bà N.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Bà Vũ Thị N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số **0000001**, ngày **17/5/2017** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Gia Lai; bà N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn là ông Bùi Văn C vắng mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Kông Chro;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Kông Chro;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phan Huy Viễn